

NHỮNG PHÁT HIỆN MỚI Ở DI TÍCH ĐÌNH TRÀNG VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ TRONG NGHIÊN CỨU KINH ĐÔ CỔ LOA

Lại Văn Tới

Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Email: laivantoitckch@gmail.com

TÓM TẮT

Đình Tràng là di tích quan trọng và tiêu biểu trong thời kỳ kim khí Việt Nam. Di chỉ khảo cổ Đình Tràng được xác định dày trên 2m và chứa các di tích, di vật của 04 lớp văn hoá phát triển liên tục trong thời gian dài trên 2.000 năm, từ văn hoá Phùng Nguyên qua Đông Đậu và Gò Mun lên văn hoá Đông Sơn.

Năm 2010, di chỉ Đình Tràng được khai quật 02 lần với tổng diện tích 375m². Kết quả khai quật đã khẳng định: Đình Tràng là di tích cư trú – mộ táng rất quan trọng trong thời đại kim khí ở đồng bằng châu thổ Sông Hồng. Đặc biệt, trong lớp văn hoá Đông Sơn đã phát hiện được 04 loại hình di tích quan trọng là: Di tích mộ táng, hệ thống 56 lò đúc đồng, di tích lỗ chân cọc gia cố đắp lũy đất và di tích dòng Hoàng Giang cổ. Nghiên cứu các di tích này, tác giả cho rằng, chúng có quan hệ mật thiết và hữu cơ với khu di tích Cổ Loa - kinh đô của nhà nước Âu Lạc thời An Dương Vương, thế kỷ 3-2 trước Công nguyên.

Từ khóa: Cổ Loa, di tích, Đình Tràng.

1. NHỮNG PHÁT HIỆN MỚI TẠI DI TÍCH ĐÌNH TRÀNG

Di tích Đình Tràng (xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội) được phát hiện năm 1969, diện tích di tích khoảng 20.000m²(Hình 1). Đến nay, Đình Tràng đã được thám sát 02 lần vào năm 1969 và 1997) và khai quật 08 lần (1970, 1971, 1985, 1998, 2002, 2008 và 2 đợt trong năm 2010) với tổng diện tích 723,75m². Kết quả khai quật cho thấy Đình Tràng là di tích có tầng văn hoá dày gần 2m với 4 lớp văn hoá phát triển liên tục trong thời gian trên 2.000 năm, từ giai đoạn văn hoá Tiền Đông Sơn đến giai đoạn văn hoá Đông Sơn. Lớp người đến cư trú sớm nhất ở Đình Tràng để lại lớp văn hóa ở dưới cùng là của cư dân giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên (cách ngày nay 4.000 năm - 4.000BP) với đồ đá, đồ gốm chắc mịn phát triển đến đỉnh cao của kỹ thuật chế tác cùng với sự có mặt của gốm xốp kiểu Hạ Long (Quảng Ninh), Đông Vông (Cổ Loa) và Bãi Tụ (Từ Sơn, Bắc Ninh). Lớp cư trú tiếp theo là của cư dân văn hoá Đông Đậu (3.500BP) với nhiều loại đồ gốm trang trí hoa văn không nhạc cùng nhiều lưỡi câu đồng, mũi nhọn đồng và di tích mộ táng giai đoạn Đông Đậu. Phát triển trực tiếp từ lớp văn hoá Đông Đậu là lớp cư trú của cư dân văn hoá Gò Mun (3.000BP) với loại đồ gốm có miệng loe bè gập ra ngoài, được trang trí những đồ án hoa văn khắc vạch đẹp, tinh tế và những lưỡi liềm kiểu Gò Mun quý hiếm. Trên cùng là lớp văn hoá của cư dân giai đoạn Đông Sơn và mộ táng Đông Sơn¹.

Những phát hiện mới có ý nghĩa quan trọng ở Đình Tràng không chỉ giúp chúng ta hiểu biết sâu sắc hơn về tính chất, đặc trưng, giá trị văn hóa - lịch sử của di tích mà trong không gian văn hoá khu vực, nó còn cung cấp những tư liệu quý liên quan đến cấu trúc, chức năng và niên đại của thành Cổ Loa – công trình phòng thủ sớm nhất trong lịch sử Việt Nam - Kinh đô của nhà nước Âu Lạc thời An Dương Vương (thế kỷ 3 – 2 BC). Những phát hiện mới tại di tích Đình Tràng giới thiệu dưới đây, tập trung chủ yếu trong hố khai quật lần thứ bảy, năm 2010 có diện tích 300m².

1.1. Di tích mộ táng giai đoạn văn hoá Đông Sơn

Cho đến nay đã phát hiện được 37 di tích mộ táng giai đoạn văn hoá Đông Sơn ở Đình Tràng. Tất cả đều là mộ đất, phần lớn không xác định được biên mộ, hướng mộ không thống nhất và hiện vật chôn theo cũng rất khác nhau. Để hiểu rõ hiện trạng mộ táng di tích Đình Tràng, chúng tôi đã nghiên cứu 19 mộ táng phát hiện trong hố khai quật năm 1998 và năm 2010 (Hình 2). Kết quả như sau:

- Về hiện trạng xương cốt: Mộ còn bảo tồn xương cốt khá nguyên vẹn: 05 mộ; mộ chỉ còn nửa thân trên hoặc nửa thân dưới: 05 mộ; mộ chỉ có xương chi: 02 mộ; mộ còn xương sọ và xương chi: 03 mộ; 04 mộ còn lại xương cốt bị mùn nát, được xác định bởi đồ tùy táng và màu xám sẫm của đất mộ.

- Về giới tính: Mới chỉ xác định được 03 mộ là nữ, 03 mộ là nam, số mộ còn lại không đủ điều kiện giám định do hiện trạng xương cốt không đầy đủ hoặc bị mùn nát.

- Về tuổi: Trẻ em từ 7 - 15 tuổi: 09 mộ; từ 15 – 20 tuổi: 01 mộ; người trưởng thành: 02 mộ; trung niên: 01 mộ và không xác định là 05 mộ.

- Về táng thức:

+ Biên mộ: chỉ có 01 mộ xác định được biên mộ (10ĐTH1: M18 có kích thước: 133cm x 35cm), còn lại đều không xác định được biên mộ.

+ Hướng mộ: Chỉ có mộ M18 xác định hướng mộ chắc chắn theo biên mộ, 18 di tích còn lại: không xác định được hướng là 05 mộ, xác định hướng mộ theo chiều phân bố của xương cốt: 14 mộ (trong đó hướng phổ biến là Tây Bắc - Đông Nam hoặc Đông Bắc - Tây Nam: 11 mộ; hướng Đông Bắc: 02 mộ và hướng Đông - Tây: 01 mộ).

+ Cách đặt tử thi: có 3 hình thức. Tư thế tử thi phổ biến là nằm ngửa, chân tay duỗi thẳng, có 02 trường hợp khá đặc biệt là nằm ngửa, hai tay co lên ngực và nằm co hai tay ôm đầu.

- Về đồ tùy táng: Số mộ có chôn theo đồ tùy táng là 14 mộ, trong đó đồ tùy táng bằng gốm: 09 mộ; đồ đá có 03 mộ; đồ đồng có 08 mộ. Có 02 mộ đồ tùy táng đủ 03 loại chất liệu: Mộ 98ĐTH1: M2, đồ tùy táng gồm 01 mảnh chạc gốm; 05 đồ đá (02 rìu tứ giác, 01 mảnh khuyên tai, 01 đục, 01 mảnh công cụ); 06 đồ đồng (2 rìu, 1 mảnh vòng, 01 lưỡi câu, 02 mảnh đồng). Mộ

¹ Lại Văn Tới và nh, 2011. Kết quả khai quật lần thứ bảy di tích Đình Tràng (Đông Anh-Hà Nội), năm 2010. Trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2010*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.122-124.

98ĐTH1: M3, có 03 đồ tùy táng, gồm: 1 rìu đá, 1 dọi xe chỉ gốm và 01 mảnh đồng. Mộ có nhiều đồ tùy táng nhất là mộ có ký hiệu 98ĐTH1: M10, với 09 đồ đồng, gồm: 5 giáo sắp xếp có chủ ý, nằm song song nhau, 02 lao và 02 mảnh đồng².

1.2. Công xưởng luyện kim

Năm 2010, di tích Đình Tràng được khai quật 02 lần: lần thứ bảy (300m²), lần thứ tám (75m²). Trong lớp văn hoá Đông Sơn, cùng với nhiều loại di tích khác, đã phát hiện được di tích hệ thống lò nấu đồng và dấu tích luyện kim (*Hình 3*).

Tất cả 56 lò khi phát hiện đều không còn nguyên vẹn, trong diện tích khai quật lần thứ bảy (300m²), không kể những khối liền, đã phát hiện 3.673 mảng tường lò, trong đó nhiều mảng có dấu vết kỹ thuật đắp lò. Căn cứ vào các mảng tường lò còn nguyên vị trí ban đầu, những mảng vỡ còn lại ở xung quanh, các hiện vật liên quan, như: than tro, cục đất nung, xỉ đồng và hiện vật đồng,... giúp chúng tôi xác định được vị trí, quy mô, cấu trúc, cửa của các lò.

Các lò phân bố thành 3 dãy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Phía Bắc hồ khai quật có 02 dãy: dãy thứ nhất có 04 di tích (BL21, 29, 29, 30); dãy thứ hai có 11 di tích: từ BL11 đến BL20 và BL24. Dãy thứ ba ở phía Nam hồ khai quật, nằm ngay trên bờ một dòng chảy cỏ với 10 lò (BL1 đến BL10). Khoảng cách các lò không đều nhau, từ 30cm - 100cm.

Về quy mô, các lò đều xuất lộ với những mảng tường lò lớn hay những mảng tường nhỏ, thường được gọi chung là cục đất nung, phân bố trong một khu vực gần hình tròn với hiện tượng khác biệt so với đất văn hóa xung quanh là đất có lẫn nhiều than tro, nên sẫm màu hơn. Sau khi xử lý, các lò đều có thân hình tròn, hoặc gần tròn, đáy khá bằng, tường lò được đắp trực tiếp trên mặt đất đã được san phẳng. Các di tích lò phát hiện đều không rõ cấu trúc của miệng lò.

Về kích thước, lò nhỏ nhất có ký hiệu BL20: 16cm x 20cm, lò có kích thước trung bình là BL15: 30cm x 39cm, kích thước lò lớn nhất là BL39: 50cm x 50cm.

Cửa lò thường để hở, kích thước khác nhau, được mở chủ yếu ở các hướng: Tây Nam: 12 lò, Đông Nam: 11 lò, Đông Bắc: 9 lò, còn lại là hướng Tây Bắc (5 lò), hướng Đông (3 lò) và các hướng chính Bắc và chính Nam đều có 1 lò. Phía trước các cửa lò đều có chung hiện tượng là có lớp than tro, đất nung khá dày.

Về kỹ thuật đắp lò, theo dấu vết kỹ thuật, như vết phên đan, thanh đứng tạo khuôn, vết dụng cụ đập, sửa, gia cố còn in trên mặt ngoài của tường lò,... thì lò được đắp dựa trên khuôn đã dựng sẵn. Người ta đào hố sâu có đáy bằng, dựng khuôn lò bằng phên tre, nứa đan (BL34) hay thanh đứng bằng tre, nứa (chiếm đa số), sau đó đắp tường lò. Tường khá dày (từ 5cm – 15cm) và nhiều mảng còn dấu vết kỹ thuật tạo khuôn lò. Các mảng tường lò đều có mặt trong phẳng,

² Nguyễn Lâm Cường, 2011. Về di cốt người cổ ở Đình Tràng khai quật năm 2010. Trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2010*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.136 – 138. Lại Văn Tới, 2012. Mộ táng Đình Tràng khai quật năm 2010: Nhận xét về táng thức và ý nghĩa của nó. Trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2010*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.124 - 126

màu trắng bạc hay nâu sẫm và cứng như sành do chịu tác động của nhiệt độ, càng ra ngoài, ảnh hưởng của nhiệt độ càng giảm, đất màu nâu non đến hồng nhạt và mềm hơn.

Phần lớn dưới đáy các lò đều có lớp than tro, vụn đất nung khá dày, một số lò phát hiện được xỉ đồng (gồm các lò BL2, BL12, BL16, BL30...), hoặc hiện vật đồng (gồm các lò F1, BL03, BL10, BL32,...).

Với hệ thống lò dày đặc như vậy trong (47 lò/300m²) và hiện tượng các lò được sắp xếp theo trật tự quy chuẩn (Đông Bắc - Tây Nam), không thể là bếp đun nấu thường ngày của cư dân Đông Sơn mà có thể là dấu tích của những lò nấu đồng trong một xưởng đúc đồng có quy mô khá lớn. Với cấu trúc có mặt cắt ngang thân khi xuất lộ hình tròn hoặc gần tròn, tường đắp dày với các dấu vết kỹ thuật và mức độ ảnh hưởng của nhiệt độ ở mặt trong của các mảng tường lò, chúng tôi cho rằng đây là các lò nấu đồng để đúc các loại đồ đồng, vũ khí, ...³

Các hiện vật liên quan đến kỹ thuật đúc đồng phát hiện được nhiều ở xung quanh di tích lò và trong lớp văn hoá Đông Sơn, như khuôn đúc bằng đá (3 hiện vật), nồi nấu đồng (33 mảnh), xỉ đồng (540gam), xỉ đồng (212 hiện vật), nhiều cục đất nung (11.776 cục), có thể vỡ từ tường các lò hoặc là mảnh những khuôn đúc nhỏ sử dụng một lần, như khuôn đúc mũi tên, đồ minh khí(?). Đây là phát hiện quan trọng liên quan đến hệ thống các trung tâm luyện kim-đúc đồng trong và vùng lân cận khu di tích Cổ Loa.

1.3. Di tích luỹ đất

Khu vực phía Nam của hố khai quật di tích Đình Tràng lần thứ bảy (2010) đã phát hiện 2 dãy lỗ chân cọc (tre hoặc gỗ), nằm thẳng hàng theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, trong chiều dài từ 12m đến 14m và còn ăn sâu vào góc Đông Nam của hố khai quật (*Hình 4*).

Hai di tích này được ký hiệu là F5 và F6. Theo hướng hố khai quật (Bắc – Nam), di tích F5 nằm ở phía Đông Nam, còn di tích F6 nằm phía Tây Bắc, gần song song nhau, khoảng cách hai đầu hai di tích từ 50cm - 70cm. Di tích F5 có 16 lỗ và di tích F6 có 11 lỗ. Các lỗ chân cọc xuất lộ cơ bản cùng bình diện ở lớp đào 02 và kết thúc ở lớp 6 hoặc lớp 7.

Các lỗ chân cọc hình trụ tròn và gần tròn, thành hố thẳng hoặc chéo tạo đáy thót, độ sâu khác nhau. Đặc biệt, những vật liệu chứa trong các lỗ cũng không giống nhau. 09 lỗ đầu Tây Bắc của di tích F5 (đánh số từ 1- 9) và 11 lỗ của di tích F6, bên trong chứa đất màu nâu xám lẫn nhiều than tro và cục đất nung nhỏ, mảnh gốm thô Đông Sơn là chủ yếu. 07 hố còn lại của F5 (đầu Đông Nam), bên trong chứa chủ yếu là cục đất nung to và ít đất nâu xám. Nhìn tổng thể, các lỗ của hai di tích này có kích thước khá đều nhau và khoảng cách giữa các lỗ có khác nhau, nhưng không đáng kể. Khoảng cách nhỏ nhất giữa 2 lỗ là 25cm - 35cm, khoảng cách lớn nhất từ 54cm - 55cm. Lỗ nhỏ nhất có kích thước (dài x rộng x sâu): 20cm x 20cm x 14cm; lỗ lớn nhất: 39cm x 38cm x 18cm.

³ Lại Văn Tới, Nguyễn Đăng Cường và nnk, 2011. Hệ thống bếp lò và dấu vết luyện kim ở di tích Đình Tràng (Hà Nội) qua hố khai quật lần thứ bảy, năm 2010. Trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2010*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.124 – 126.

Gồm Đông Sơn có nhiều nhất trong lỗ chân cọc của 02 di tích. Trong di tích F6, lỗ có ký hiệu h3 có 30 mảnh, h4: 19 mảnh, h5: 15 mảnh, h6 và h9 đều có 12 mảnh. Trong di tích F5, lỗ có ký hiệu h16: 27 mảnh, h4: 12 mảnh. Cọc đất nung, như đã nói ở trên, chủ yếu ở trong 7 lỗ (từ h10 – h16 của F5). Cụ thể, lỗ ký hiệu h12: 31 cọc, h16: 10 cọc, h14: 7 cọc, h13: 5 cọc,...

Những lỗ chân cọc trong F5 và F6 có kích thước không lớn, khoảng cách giữa các lỗ lớn nhất là 55cm và khoảng cách giữa 2 dãy rất hẹp, chỉ từ 50cm - 70cm, nên không thể là hồ cột của một di tích kiến trúc, mà có thể liên quan đến kỹ thuật gia có đắp nền hoặc lũy đất cao?.

1.4. Di tích dòng chảy cổ

Toàn bộ di tích để lại dấu vết trên vách Nam và một phần trên vách Đông của hố khai quật (Hình 5).

Trên vách Nam, lòng của dòng chảy cổ xuất lộ cao nhất ở hai góc hố khai quật phía Tây Bắc và Tây Nam với độ sâu 0,90m – 0,94m so với mặt hố khai quật. Từ hai vị trí này, theo vết than đen, lòng sông trũng thấp kiểu lòng chảo và sâu nhất ở khoảng giữa vách Nam, từ 1,56m – 1,65m. Như vậy, độ sâu của dòng chảy theo vết than xuất lộ trên vách, trung bình là 0,68m, chiều rộng của mặt dòng chảy khoảng 10m (hết chiều rộng của hố khai quật).

Dựa theo hiện tượng địa tầng ở góc Đông Nam hố khai quật và dấu vết dòng chảy trên vách Tây thì chiều của dòng chảy cổ này khi qua vị trí của vách Nam uốn cong sang phía Tây. Đất sinh thổ ở góc Đông Nam của hố khai quật ở độ sâu 2m, từ đó thấp dần về phía Tây Bắc - theo độ uốn cong của dòng chảy.

Để tìm hiểu các lớp trầm tích của lòng sông, chúng tôi đã cắt lớp than theo chiều dọc lòng sông (hướng Bắc - Nam, vuông góc với vách Nam) và theo chiều ngang dòng chảy (hướng Đông - Tây, vuông góc với vách Tây). Kết quả như sau:

Lát cắt theo hướng Bắc - Nam giữa lòng sông, có cấu trúc địa tầng: lớp than - phù sa - than - đất trầm tích lòng sông màu xám đen dày trung bình 27cm - 30cm. Kết quả lát cắt theo hướng Đông - Tây, trầm tích lòng sông cơ bản giống cấu trúc lát cắt dọc, chỉ khác là lớp trầm tích cuối cùng không phải là đất xám đen thuần mà là đất nhiễm than hay đất và than lẫn lộn. Điều này có thể giải thích rằng, khu vực này là khúc cong, nên nước chảy gây ra hiện tượng cuốn xoáy, khiến đất và than trộn lẫn trước khi lắng đọng, khác với trầm tích lắng đọng chỗ khúc sông thẳng.

Đối chiếu với không ảnh (Google Earth), và dấu vết những đoạn sông cổ còn lại ở khu vực các thôn Thạc Quả, Đình Tràng và Thiết Ứng,... thì di tích xuất lộ trong hố khai quật là dấu tích của dòng Hoàng Giang cổ. Như chúng ta đều biết, Hoàng Giang là đoạn sông Ngũ Huyện Khê chảy qua Cổ Loa, được An Dương Vương lợi dụng làm ngoại hào cho thành Cổ Loa nổi tiếng. Khi chảy qua địa bàn thôn Thạc Quả thuộc xã Dục Tú (phía Đông Bắc thành Cổ Loa), Hoàng Giang tách làm hai nhánh, chia thôn Thạc Quả thành thôn Tiền và thôn Hậu. Hiện nay ở các thôn Thạc Quả, Đình Tràng, Thiết Ứng vẫn còn nhiều đoạn sông cổ được ngăn từng đoạn để sử dụng nhiều mục đích khác nhau.

Như vậy, dòng chảy cổ phát hiện trong hồ khai quật, chính là dòng Hoàng Giang đã đổi dòng. Đối chiếu trên thực địa và ảnh vệ tinh, thì đây là đoạn sông bị khuất, khớp với hai đầu sông còn hiện rõ trên ảnh.

2. Ý NGHĨA CỦA NHỮNG PHÁT HIỆN KHẢO CỔ HỌC Ở ĐÌNH TRÀNG

Với hệ thống các di tích tiêu biểu và quý hiếm mới phát hiện, cùng với sưu tập hiện vật đồ đá, đồ đồng, đồ gốm đa dạng và phong phú trong các lớp văn hoá, đặc biệt là trong lớp văn hoá Đông Sơn, là cơ sở cho những nhận thức mới về di tích Đình Tràng nói riêng và giá trị của Đình Tràng trong không gian văn hóa khu di tích Cổ Loa và Hà Nội nói chung.

Kết quả phát hiện và nghiên cứu khảo cổ học khu vực Cổ Loa, trong đó có di tích Đình Tràng, cho biết, từ cách đây 4000 năm, Cổ Loa đã được lớp cư dân văn hóa Phùng Nguyên chọn để cư trú, lập làng. Những làng nông - chài ven dòng Hoàng Giang, cạnh các đầm hồ ngày càng nhiều. Lớp văn hóa dày, chứa nhiều hiện vật từ đồ đá, đồ gốm của cư dân văn hóa Phùng Nguyên - Đông Đậu - Gò Mun ở Đông Vông, Bãi Mèn, Đình Chiền, Xuân Kiều, Tiên Hội, đến sự đa dạng, phong phú của các loại hình đồ đồng thau, đồ sắt của cư dân văn hóa Đông Sơn ở các di tích Đình Tràng, Đường Mây, Mả Tre, Cầu Vực, Xóm Nhồi,... Những tầng nền của nền văn minh lúa nước đã được những người tiên phong từ miền Tam Đảo xuống, từ ven biển tiến vào được tạo lập vững chắc, thúc đẩy các ngành thủ công nghiệp, nhất là ngành luyện kim phát triển cao, tạo bước ngoặt cho sự biến đổi kinh tế - xã hội sâu sắc. Đó là cơ sở để vào khoảng năm 208 BC, mảnh đất Cổ Loa đã được những người anh hùng chiến thắng hàng chục vạn quân xâm lược Tần chọn làm đất định đô, lập nước Âu Lạc, và quy hoạch, xây đắp tòa thành Cổ Loa to lớn, kiên cố, vững chắc mà chúng ta còn được thấy như hôm nay (Hình 1).

Phạm vi của khu di tích Cổ Loa được hiểu gồm những nơi lũy - hào thành Cổ Loa được xây đắp, ở đó còn lưu giữ trong lòng đất và trên mặt đất các di tích liên quan đến thành Cổ Loa, nước Âu Lạc và An Dương Vương. Không gian hiện nay, thành phân bố chủ yếu trên diện tích xã Cổ Loa và 4 xã: Dục Tú (với di tích Đình Tràng nổi tiếng), Việt Hùng (phía Đông Bắc), Uy Nỗ (phía Tây - Tây Bắc) và Đông Hội (phía Nam).

Thành Cổ Loa đã được nhiều bộ sử cổ Trung Quốc và Việt Nam thời phong kiến ghi chép. Về cơ bản, các tài liệu trên đều cho rằng, vào thế kỷ 3 - 2 BC, sau cuộc kháng chiến chống Tần thắng lợi, An Dương Vương đã thay thế Hùng Vương và chuyển từ Việt Trì về Cổ Loa định đô, đắp thành kiên cố phòng vệ và xây dựng đất nước. Cổ Loa thời An Dương Vương là kinh thành của nhà nước Âu Lạc, một trung tâm lớn nhất của thời kỳ dựng nước về chính trị, kinh tế, văn hoá và quân sự. Vai trò đó còn kéo dài qua thời Bắc thuộc và trở lại khi nước ta giành được độc lập sau sự kiện Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán, với ý thức nối lại “đại thống”, “trung hưng lại đất Việt”, ông đã chọn Cổ Loa để định đô, năm 939 sau Công nguyên (AD).

Những giai đoạn, mốc lớn trong lịch sử Cổ Loa được biết qua sử sách, trong đó có nhiều sự kiện không thống nhất. Chứng tích còn lại là toà thành quy mô lớn, với tổng chu vi

16.000m với diện tích 46ha và nhiều di tích, di vật đặc trưng, tiêu biểu giai đoạn văn hoá Đông Sơn phát hiện được ở trong và vùng lân cận khu di tích Cổ Loa đã góp phần quan trọng làm rõ thêm lịch sử di tích nổi tiếng này. Những phát hiện khảo cổ học tại di tích Đình Tràng như trình bày ở trên là trường hợp tiêu biểu.

2.1. Nghiên cứu mộ táng giai đoạn văn hóa Đông Sơn gợi mở nhiều vấn đề cần tiếp tục làm sáng tỏ như: Tại sao các giai đoạn văn hóa Đông Sơn và Gò Mun ở di tích này từ trước đến nay chưa phát hiện được mộ táng (lớp văn hóa Gò Mun) hoặc phát hiện được rất ít (lớp văn hóa Đông Sơn mới phát hiện được 1 mộ trong lần khai quật thứ 5, năm 2002). Phải chăng cư dân 2 giai đoạn văn hóa này đã chôn người chết ở khu mộ táng riêng mà đến nay chưa phát hiện được, hay cộng đồng các cư dân đó đã có phong tục khác như hỏa táng nên không còn dấu tích mộ đến ngày nay. Vậy nên cần tiếp tục điều tra, khai quật và nghiên cứu di tích này mới có thể trả lời được câu hỏi trên.

Với mật độ khá dày đặc và sự đa dạng của loại hình di tích mộ táng, các mộ thuộc lớp văn hóa Đông Sơn xuất lộ ở các bình diện khác nhau, rải rác trong lớp văn hóa. Đặc biệt với hiện trạng khác nhau: đủ thi thể, còn nửa dưới hay nửa trên hoặc chỉ còn một vài bộ phận của cơ thể; tuổi của các tử thi cũng rất khác nhau, có người vị thành niên, có tử thi ở tuổi trưởng thành hoặc trung niên...; tử thi có tư thế chôn khác nhau, người nằm ngửa chân tay duỗi thẳng, người nằm nghiêng, người chôn bó gối,... Mộ táng phát hiện trong lần khai quật thứ nhất, năm 1970, trên sọ tử thi còn mũi tên đồng xuyên thủng⁴. Hiện trạng này đưa đến suy đoán khác nhau về nguyên nhân của cái chết, do dịch bệnh hoặc do hỏa hoạn. Theo chúng tôi, có thể do chết trận⁵. Kết hợp với ghi chép của sử cũ về những lần giao chiến giữa quân dân Âu Lạc với quân xâm lược Triệu Đà ở vùng núi Vũ Ninh, Tiên Du (Bắc Ninh) và địa danh Phủ Tràng,... cho biết khu vực này là cửa ngõ quan trọng của thành Cổ Loa. Những cuộc chiến khốc liệt giữa quân dân Âu Lạc để giữ thành và quân xâm lược muốn chiếm thành đã diễn ra ở đây mà lòng đất Đình Tràng còn giữ lại dấu tích đến hôm nay. Như vậy, vị trí chiến lược quan trọng của di tích Đình Tràng và một trong những chức năng quan trọng hàng đầu - chức năng phòng thủ của thành Cổ Loa một lần nữa được chứng minh bằng tư liệu mộ táng tại di tích Đình Tràng.

2.2. Phát hiện hệ thống lò nấu đồng trong 02 hố khai quật lần thứ bảy và thứ tám, năm 2010 đã cho thấy Đình Tràng còn là xưởng đúc và chế tác đồ đồng thau quy mô lớn. Nghiên cứu so sánh sưu tập đồ đồng Đình Tràng và sưu tập đồ đồng Cổ Loa, chúng ta dễ dàng nhận thấy, ở Đình Tràng còn thiếu vắng những hiện vật điển hình của giai đoạn văn hoá Đông Sơn sơ kỳ thời đại sắt, như trống đồng, lưỡi cày đồng, mũi tên đồng ba cạnh, dao găm, giáo có lỗ ở cánh, rìu đồng to khoẻ, lưỡi uốn rất cong....trong khi đó ở Cổ Loa đều đã phát hiện được. Đình

⁴ Trần Trác, 1970. *Các di tích đồng và đá ở địa điểm khảo cổ học Đình Tràng (Hà Nội)*. Luận văn tốt nghiệp khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1970. Tư liệu Khoa Lịch sử-Đại học KHXH&NV Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội, ký hiệu LV107A..

⁵ Lại Văn Tới, 2012. *Cổ Loa-Công trình phòng thủ sớm nhất văn minh Việt Nam*. Bài tham dự Hội thảo khoa học quốc tế: Khảo cổ học Việt Nam năm 2012, tổ chức tại Hà Nội.

Tràng cách Cổ Loa không xa, nên sự khác nhau của các loại hình đồ đồng không thể là sự khác biệt của loại hình địa phương. Điều đó đã cho thấy sự khác nhau về giai đoạn.

Trong các mộ Đông Sơn ở Đình Tràng, chưa xuất hiện dấu vết của văn hoá Hán. Vì vậy, niên đại lớp văn hoá Đông Sơn ở Đình Tràng vào thời kỳ trước Hán. Còn ở Cổ Loa, trừ chiếc trống đồng, có thể có một số đồ đồng đã ở vào giai đoạn muộn hơn. Kiểu mũi tên ba cạnh ở Cổ Loa là kiểu muộn hơn so với mũi tên hai cạnh đặc trưng cho giai đoạn Đông Sơn ở Đình Tràng⁶.

Những lần khai quật di tích Đình Tràng trước đây đều xác định đây là di tích cư trú - mộ táng. Với việc phát hiện 56 di tích lò nấu đồng và nhiều hiện vật liên quan đến kỹ thuật nấu đúc đồng, thì Đình Tràng còn là xưởng luyện kim quy mô lớn, với nhiều loại hình hiện vật đa dạng và phong phú (Hình 6, 7).

2.3. Về việc phát hiện lũy đất tiền tiêu của thành Cổ Loa: Thư tịch xưa khi miêu tả về quy mô, diện mạo của toà thành Cổ Loa “rộng hơn nghìn trượng, cuốn như hình con ốc”; “thành có 9 vòng, chu vi chín dặm...” có lẽ là sự mô phỏng khi nói về nhiều lớp gò, lũy đất tự nhiên che chắn, bảo vệ vòng ngoài, được các nhà nghiên cứu gọi là lũy tiền tiêu⁷.

Với phát hiện 2 dãy lỗ chân cọc (tre, gỗ) như đã mô tả ở trên, một lần nữa chúng ta lại phát hiện được những dãy lũy, tường đất bảo vệ vòng ngoài cho thành Cổ Loa. Khảo cổ học đã phát hiện được nhiều di tích thành lũy đất ở trong và ngoài 3 vòng thành đất Cổ Loa, nhưng có quan hệ mật thiết và nằm trong hệ thống không thể thiếu được của cấu trúc thành Cổ Loa.

Trong hồ khai quật di tích Bãi Miếu, phía Nam thành Ngoại Cổ Loa, năm 1977, cố GS. Trần Quốc Vượng đã phát hiện một đoạn lũy đắp bằng đất và cho rằng, đó là lũy bảo vệ bên ngoài của thành Cổ Loa⁸. Phía Đông Bắc của thành Ngoại, tại xã Dục Nội còn một dãy gò đất tự nhiên được đắp nối lại với nhau, tạo thành một lũy đất kiên cố bảo vệ phía Đông Bắc thành Ngoại. Với các tư liệu trên, kết hợp với phát hiện 2 di tích F5, F6 và những nền đất đắp trong hồ khai quật Đình Tràng, chúng tôi cho rằng, những lỗ chân cọc trong 2 di tích F5 và F6 chính là dấu vết còn lại của những cọc tre, gỗ gia cố khi đắp đoạn lũy đất bên cạnh dòng chảy cổ. Những huyền thoại và truyền thuyết về sự kiện “*thành cứ xây xong lại đổ*”, phải nhờ sự giúp đỡ của các nàng tiên (di chỉ khảo cổ học thuộc giai đoạn văn hoá Đông Đậu ở Tiên Hội (xã Đông Hội) phía Nam thành Cổ Loa) và của thần Kim Quy/Thanh Giang sứ là phản ánh và được chứng minh bởi truyền thống kỹ thuật gia cố nền đất những nơi đất yếu gần đầm hồ, sông lạch bằng cách đóng cọc tre, gỗ, kê thêm đá, ngói,... trước khi đắp lũy đất, mà phát hiện hai di tích F5 và F6 ở Đình Tràng là chứng tích điển hình.

⁶ Hà Văn Tấn, 1997. Trống đồng Cổ Loa, di chỉ Đình Tràng, văn minh sông Hồng. Trong *Theo dấu các văn hoá cổ*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 680-697.

⁷ Trần Quốc Vượng, 1969. Cổ Loa-Những kết quả nghiên cứu vừa qua và triển vọng sắp tới. *Khảo cổ học*, số 3-4, tr. 100-127.

⁸ Trần Quốc Vượng và Tập thể sinh viên chuyên ban Khảo cổ, 1978. Cổ Loa, mùa điền dã năm 1977. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1977*, Hà Nội, tr.124.

2.4. Những dấu vết để lại trong cấu trúc địa tầng vách Đông và vách Nam của hố khai quật, cùng với những di tích (lớp than do cây phân hủy trên mặt lòng sông) và các di vật là trầm tích lòng sông, đối chiếu với bản đồ khảo cổ học Cổ Loa, ảnh vệ tinh của Google Earth,... di tích dòng chảy cổ xuất lộ trong hố khai quật chính là sông Chàng Xay (tên sông Hoàng Giang chảy qua thôn Đình Tràng - Thạch Quả - Thiết Ứng, xã Dục Tú, đã đổi dòng) là phù hợp với dãy lũy (tường) đất tiền tiêu của thành Cổ Loa phát hiện trong hố khai quật và dấu tích còn đến ngày nay của Hoàng Giang cổ trong các thôn xóm này.

Những tư liệu thu được trong lòng sông, nếu được phân tích bằng các phương pháp khoa học tự nhiên sẽ cho chúng ta những nhận thức mới về sự hình thành, thời gian tồn tại với những đổi thay liên tục của địa lý, địa chất trong vùng, hay nói cách khác là hiểu biết được đời sống dòng Hoàng giang gắn bó với lịch sử Thành Cổ Loa...

3. KẾT LUẬN

3.1. Trước khi có bộ chính sử của dân tộc, lịch sử nước ta được lưu truyền rộng rãi trong dân gian qua những câu chuyện truyền thuyết, huyền thoại về thời khai thiên lập địa và buổi đầu thời kỳ dựng nước và giữ nước - thời kỳ lịch sử Hùng Vương và An Dương Vương. Đây là hiện tượng phổ biến trên thế giới, mà mỗi dân tộc, nếu tập hợp lại, có thể có bộ sử dân gian vừa có tính chất huyền thoại, vừa chứa đựng cốt lõi lịch sử. Kinh đô Cổ Loa - nhà nước Âu Lạc ban đầu, chúng ta cũng chỉ được biết đến qua những truyền thuyết và những huyền thoại lịch sử như: câu chuyện Thần Kim Quy, sự tích chiếc nỏ thần, sự tích Mỵ Châu - Trọng Thủy, ...

Những ảo ảnh của những câu chuyện huyền thoại trên, dần dần đã được tư liệu khảo cổ học chứng minh một phần sự thật - là cốt lõi của lịch sử khu di tích Cổ Loa.

3.2. Năm 1959, khi phát hiện được kho mũi tên đồng hàng vạn chiếc ở Cầu Vực, nhiều người còn nghi ngờ về nguồn gốc, chức năng của kho mũi tên này. Sự thật lịch sử được chứng minh khi phát hiện di tích lò đúc mũi tên đồng 3 cạnh tại hố khai quật Đền Thượng năm 2005. Sau đó, liên tiếp trong 2 năm 2006 và 2007, tại Đền Thượng đã phát hiện dấu tích hệ thống lò đúc mũi tên đồng với diện tích xuất lộ khoảng 50m². Mang khuôn bằng đá xuất lộ rất nhiều trong di tích, có nơi thành cụm gần 30 chiếc, có nơi mang khuôn đá, khuôn đất nung, nồi nấu đồng, xi đồng chông chất. Đây là hệ thống lò đúc trải dài gần 10m và còn nằm trong đất chưa khai quật. Với phát hiện này làm sáng tỏ mọi nghi ngờ về sự kiện lịch sử An Dương Vương đúc và sử dụng mũi tên đồng. Bức màn huyền thoại của câu chuyện “Nỏ thần” vốn che đậy sự thật lịch sử Cổ Loa đã được vén lên. Lịch sử Cổ Loa, từ những truyền thuyết đã được tư liệu khảo cổ chứng minh là chính sử.

3.3. Những phát hiện mới ở di tích Đình Tràng cùng với những phát hiện quan trọng khác như lớp văn hoá Đông Sơn và di tích lũy thành có quy mô nhỏ, với cấu trúc: hào - thành - hào - ụ phòng vệ + tường chắn, nằm dưới lớp thành do An Dương Vương đắp xuất lộ trong hố khai quật thành Trung - Cổ Loa (2007 – 2008); những tư liệu quan trọng liên quan đến niên đại,

Những phát hiện mới ở di tích Đình Tràng ...

kỹ thuật xây dựng, thời gian xây dựng thành Cổ Loa thu được trong các cuộc khai quật cắt thành Nội tại Đền Thượng (2005), thành Trung (2007-2008), thành Ngoại (2012) tại xóm Thượng đã từng bức làm sáng tỏ một số vấn đề xung quanh lịch sử thành Cổ Loa, nước Âu Lạc mà An Dương Vương là nhân vật Trung tâm. Hy vọng trong tương lai, sẽ có nhiều phát hiện mới giúp chúng ta giải mã được những ẩn số trong lịch sử của di tích đặc biệt cấp quốc gia - Cổ Loa - mới được xếp hạng.

NEW ARCHAEOLOGICAL DISCOVERIES AT DINH TRANG SITE AND ITS MEANING TO RESEARCH ON THE ANCIENT CAPITAL OF CO LOA

Lai Van Toi

The Center for Imperial City Research, Vietnam Academy Of Social Sciences

Email: laivantoitckch@gmail.com

ABSTRACT

Dinh Trang is the important and typical relic in the Vietnam Metal Age. Dinh Trang archaeological site was identified 2 meters in thickness and contained different artefacts, which proved to be continuously developed during the period of over 2000 years from Phung Nguyen, Dong Dau, Go Mun to Dong Son culture.

In 2010, Dinh Trang site was excavated twice with the total area of 375 m². The final results revealed that Dinh Trang was a residential and grave site in the Red river delta during the Metal Age. Specially, there were 4 kinds of relics such as graves, 56 bronze-casting furnaces, system of holes with column, and Hoang Giang ancient river in the layer of Dong Son culture. It is generally acknowledged that they have a closely tie with Co Loa site as an ancient citadel of Au Lac state under king An Duong Vuong in 3-2 century BC.

Keywords: *Co Loa, Dinh Trang, relic.*